

CÂU-XÁ LUẬN SỐ

QUYỂN 29

Phẩm 8: PHÂN BIỆT ĐỊNH (Phần 2)

1. Nói về công đức nương định:

Đã nói như vậy là y chỉ định, là thứ hai của đại văn nói về công đức nương định, trong đó có sáu: Một. Bốn vô lượng; Hai. Tám giải thoát. Ba. Tám thắng xứ. Bốn. Mười biến xứ. Năm. Đắc y thân. Sáu. khởi duyên định, dưới đây ba hàng tụng là thứ nhất, nói về bốn tâm vô lượng. Vì cảm vô lượng quả thứ nhất giải thích tên vô lượng sở y của vô lượng hữu tình từ cảnh đặt tên, dẫn vô lượng phước, là nhân vô lượng, chiêu cảm vô lượng quả, là quả vô lượng. Do duyên vô lượng hữu tình được vô lượng phước, được vô lượng quả, vì bốn hạnh này có ba vô lượng nên gọi vô lượng. Luận Bà-sa quyển tám mươi một có ba giải thích: Một là đối trị là vô lượng hí luận phiền não; hai là đối trị vô lượng phiền não buông lung; ba là bốn thứ như thế là chỗ tốt cho các hiền Thánh đạo chơi nên gọi là vô lượng. Như trên là văn luận, ở đây vì sao chỉ có bốn thứ, thứ hai là nói không có thêm bớt trước hỏi sau. Đáp: đối trị bốn thứ nhiều hạnh chương, thế nào là bốn chương? Là hỏi: Đáp: các sân hại cho đến kiến lập từ, vì nhiều hạnh chương có bốn, do đó chỉ có bốn không thêm bớt tức là từ đối sân, bi đối hại, hỷ đối không vui, xả đối dục tham, sân.

Luận Chánh Lý chép: Sân là tâm sở muốn giết hữu tình, muốn xúc não hữu tình, tâm sở gọi là hại, mê đắm cảnh giới với các thiện phẩm không có nhân lạc trụ gọi là bất hân ủy. Với cảnh diệu dục khởi nhiễm hân ủy, tình không nhằm đủ gọi là dục tham. Như trên là văn luận. Bất tịnh và xả cho đến gì có khác nhau? Là hỏi hai tướng khác nhau. Sư Tỳ-bà-sa cho đến như thứ lớp năng trị, là dẫn Bà-sa trả lời.

2. Nêu Sự khác giải thích:

Luận chép: Lý thật bất tịnh cho đến xả có công năng đối trị. Trong

bốn thì hai thể đều là vô sân, nêu một vị sư giải thích. Luận chép: Lý thật nên nói bi là bất hại, là Luận chủ giải thích. Luận Chánh lý chép: có khi nói rằng bi là bất hại vì gần trị hại đúng lý thật như vậy, nhưng hại tợ sân, dùng sân đặt tên, hành tướng của Bi cũng tợ vô sân đặt tên vô sân, thật là không hại. Như trên là văn luận. Hỷ là hỷ thọ cho đến bị tham dắt dẫn, xả là vô tham, đúng lý nên dùng hai pháp làm thể, Luận chủ giải thích là xả lẽ ra dùng vô tham vô sân làm thể.

Luận Chánh Lý chép: Đây là nói hỷ chắc chắn chẳng phải hỷ thọ dùng hân làm thể. Hoặc tức là vô tham, phân biệt có tham là tâm sở ác, loại hữu tình khởi tư duy tại sao thể đắc hữu lạc kia đều thuộc ngã, hỷ năng trị kia nên là vô tham vì có cả hỷ căn, có thể đắc ba địa. Như hối đi chung với ưu, hỷ cũng vô tham, tướng rất rõ ràng, tâm không tham đắm với việc đầy đủ của người khác, biết họ được càng sinh an ủi, tâm nóng bức bị đối trị gọi là hỷ, nên biết hỷ đây cũng không có tánh tham. Do trị tham gọi không có tánh tham, như quán bất tịnh tuy là tuệ, vì trị tham nên dùng vô tham làm tánh.

Xả và từ có khác nhau, từ đối trị sân do sân dẫn, vô sân làm thể, xả năng đối trị sân cho tham dẫn, vô tham, làm thể, không như xả vô tham làm tánh, cũng đối trị sân do tham dẫn, như thể thừa nhận từ vô sân làm tánh cũng trị tham do sân dẫn. Câu vặn hỏi này không đúng vì hành trái nhau, hành tướng xả cả hai trái tham, sân vì xả thân phần chẳng gần gũi khác nhau, từ nơi ái nhuế đều bất sinh. Tức do đây nên Xả chỉ có vô tham, chánh là trị sân, hành tướng của từ trái với sân chẳng phải tham, vì các hữu tình cùng lạc chuyển sân, từ và lạc trái nhau. Do từ và xả này tuy đều trái sân mà từ thuận tham, xả là trái hại nên hai thứ này rất khác nhau. Như trên là văn luận. Bốn vô lượng này cho đến nhập xả đẳng chí, là nói bốn hành khác nhau.

3. Nói bốn hành khác nhau:

Luận Chánh Lý chép: A-thế-da có khác nhau, quán loài hữu tình như mình gọi là Từ, vui loài hữu tình được lìa khổ là bi, vui với việc hỷ thanh của họ là hy, với tướng thân oán không suy nghĩ là xả. Luận Bà-sa quyển tám mươi một chép: Tôn-giả Thế Hữu nói như vậy trao cho lợi ích là tướng từ, trừ bỏ tổn hại là tướng bi, an ủi đắc xả là tướng hỷ, quên nhớ bình đẳng là tướng xả, như trên là văn luận, bốn vô lượng này cho đến đâu chẳng phải điên đảo? Là hỏi Đáp: Nguyện cho họ cho đến tương ứng khởi, trong đó. Có ba: Một là thiện nguyện cho nên chẳng điên đảo, hai là ý lạc nên chẳng điên đảo, ba là thắng giải nên chẳng điên đảo, nếu là điên đảo thì có lỗi gì? Ba giải thích trước chẳng phải

điên đảo nay giải thích dù là điên đảo thì có lỗi gì, hoặc chẳng phải thiện cho đến tương ứng khởi, hoặc do điên đảo chẳng phải thiện, theo lý không đúng vì ba gốc lành này tương ứng khởi.

Hoặc lẽ ra dẫn ác cho đến trị sân v.v... hoặc dùng điên đảo dẫn ác theo lý cũng không đúng, vì trị được sân, hại và tham v.v... Đây duyên cõi Dục cho đến các chướng như sân v.v... là nói sở duyên, chỉ cho tất cả hữu tình cõi Dục, vì trị được sân chướng duyên hữu tình. Nhưng Khế kinh nói cho đến do hiển bày trong khí, là giải thích kinh, kinh nói tu từ tư duy một phương tất cả thế giới, là nêu khí thế giới cõi Dục chấp lấy trung hữu tình, thứ ba chỉ nương vị chí cho đến trung gian, là nói y địa hoặc hữu dục cho đến mới có thể khởi, là nói về thuyết khác. Ý Sư này nói Vị Chí là không? Vì bốn vô lượng có chứa đức, người đã lìa dục mới khởi được, Vị Chí bỗng mau phần nhiều chẳng lìa dục, nên nói là vô. Hoặc hữu dục cho đến đều thuộc vô lượng, lại nói về thuyết khác ý Luận sư này nói địa định, bất định, căn bản, gia hạnh đều duyên vô lượng hữu tình. Trao cho lợi ích trừ bỏ tổn hại an ủi đắc xả, quên nhớ bình đẳng?

4. Nói về thuyết khác:

Văn trước tuy nói cho đến cảnh hữu tình, không dứt chướng có ba nhân: Một là thuộc hữu tình căn bản Tĩnh lực, ở đây không dứt hoặc, như trước đã nói; hai là giải thoát tác ý tương ứng khởi dứt hoặc là cộng tương tác ý, đây là thắng giải nên không dứt hoặc; ba là duyên khắp tất cả cảnh hữu tình. Dứt hoặc là duyên pháp giới không duyên hữu tình, đây duyên hữu tình nên không dứt hoặc vị gia hạnh này có thể dứt trừ bốn chướng, là nói về thuyết phục trị nhân bốn chướng. Bốn vô lượng căn bản đó là định căn bản, tại địa vị này không có sân chướng, nói trị bốn chướng tại vị gia hạnh, hoặc ở căn bản cũng gọi là trị chướng, khiến đã dứt chướng, là được xa lìa. Dục vị chí cho đến có thể dứt các hoặc, giải thích vị gia hạnh ở trên chế phục sân, nghĩa là ở cõi Dục trong tâm văn tự và định Vị Chí trước tu vô lượng. Vì dứt đạo gia hạnh phục sân v.v... dẫn đoạn đạo sinh các hoặc như sân v.v... mới sinh bốn vô lượng căn bản.

Năng trị bốn chướng y theo thuyết gia hạnh, các hoặc dứt rồi cho đến đã che phục, là giải thích hoặc đây khiến cho dứt rồi càng xa. Nói trị bốn chướng, y theo khiến càng xa. Tập nghiệp vị ban đầu tu lòng từ gì? Muốn tu gia hạnh từ như thế nào? Đó là trước tư duy cho đến vui sướng như thế, phiền não trói buộc là tập nghiệp ban đầu, hoặc kia đây cho đến cộng chung thành bảy phẩm, nêu phiền não trong vị gia hạnh,

trước chia hữu tình thành bảy phẩm, chia phẩm riêng rồi cho đến trên gần giống, nêu thẳng giải lạc tâm thượng oán đẳng và thượng thân đẳng. Mặc dù năng duyên mà chưa khắp, chẳng phải căn bản, tu pháp thẳng giải này cho đến thành lòng từ vô lượng, nói về dần dần có thể rộng cho đến thành vị. Hoặc đối với hữu tình cho đến hiện khả kiến, là nói người năng tu khác nhau, tất cả chúng sinh có hai thứ, một là thích tìm cầu đức của người, hai là thích soi bói lỗi người. Tất cả chúng sinh lại có hai tướng: Đức tướng và thất tướng, dứt thiện cũng có đức tướng. Độc Giác cũng có thật tướng. Thích tìm cầu đức là thấy đức xiển-đề thấy quả tướng xiển-đề, vì biết có nhân lành. Thích soi bói lỗi, thấy lỗi Độc Giác thấy quả tướng kia, biết là nhân ác. Thích tìm cầu đức là tu lòng từ dễ thành, chẳng phải thích soi bói lỗi, tu pháp bi hỷ y theo đây nên biết, y theo từ giải thích, có bảy đẳng trước thượng gần gũi. Không nói xả tu gia hạnh trước là trong xứ, đó là quán hữu tình cho đến thật là lạc, là rộng nêu hai hành tướng bi, hỷ, gia hạnh tuy đồng nhưng hành tướng khác.

5. Nói về gia hạnh tu xả:

Đầu tiên tu xả cho đến cùng xứ trung đẳng, nói về gia hạnh tu xả, xả kia trước xả xứ trung kế xả hạ oán cho đến thượng thân, do tham khó xả sâu dễ xả. Luận Bà-sa quyển tám mươi hai phê bình rằng chẳng phải bốn tâm vô lượng, như thuyết mà sinh, vì sao? Vì tu quán hành tùy lạc sinh trước sau không chắc chắn như có cả giải thoát, thẳng xứ và biến xứ. Hoặc chưa khởi sơ định vô lượng, có thể khởi định thứ hai không? Một thuyết nói không có thể, một thuyết nói có thể. Như chưa khởi vô lậu địa dưới có thể khởi vô lậu địa trên cũng vậy. Địa dưới vô lượng sau khởi địa trên vô lượng mau chóng hay địa trên vô lượng sau khởi địa dưới vô lượng chóng? Đáp: thượng địa vô lượng sau khởi địa dưới vô lượng mau chóng, chẳng phải địa dưới vô lượng sau khởi địa dưới vô lượng mau chóng, cũng như học thơ.

Sơ định vô lượng Vô Gián, năng khởi định thứ hai vô lượng hay không? Có thuyết nói không thể, phải tu tự địa gia hạnh, dẫn pháp mới hiện ra, có thuyết nói cũng có thể, đã tu thuần thực khởi một qua hạnh, hoặc không có gia hạnh hay trải qua các địa, hoặc thượng hoặc hạ khởi vô lượng. Luận Bà-sa quyển tám mươi ba như Khế kinh nói, trụ từ định thì dao, thuốc độc, nước, lửa đều không thể làm hại, chắc chắn không có tai họa gây ra cái chết, vì sao như thế? Tôn-giả Thế Hữu trả lời do lòng từ là pháp không hạ, có thuyết nói lòng từ có thể lực lớn, có thuyết nói lòng từ là lợi ích người khác các vị trời thiên thần đều ủng hộ. Đại đức

nói rằng hoặc trụ định lòng từ thì sinh lên cõi Sắc, đại chúng khắp thân phần sanh, khiến sở y thân bền chắc như đá nên không thể hại được, từ định ở ban đầu nên nói định có nhiều thuyết, tâm bi bình đẳng không bằng lòng từ. Đại đức nói do hai nhân duyên xả trên hết một là sở tác nghĩa là nếu làm rồi xả, năng dứt tham, sân, hai là do vắng lặng nghĩa là đối với hữu tình không phân biệt chuyển nên xả là trên hết. Như trên là vấn luận. Bốn vô lượng này cho đến chỉ không thành hỷ, là nói về người, giải thoát cả ba châu chẳng phải trời v.v... hoặc đối với sơ định được một thì được bốn, hoặc ba định trở lên đắc một thì được ba.

6. Nói về giải thích thoát:

1) Đã nói vô lượng kể nói về giải thoát, dưới đây ba hàng tụng là thứ hai, nói về giải thoát. Luận chép: cho đến quán ngoại sắc giải thoát. Là giải thích giải thoát đầu tiên. Nội có sắc tướng quán ngoại sắc, đó là thắng giải tác ý, quán bản thân mình bị trùng giòi tủa đục khoét v.v... thấy thân tướng bên trong và thấy giòi tủa bên ngoài, nói trong có sắc tướng, quán sắc ngoài giải thoát. Theo Luận Chánh Lý thì kinh nói có sắc quán các sắc, để nói lên nghĩa gì, chẳng phải chưa trừ sắc, có thể như thật giải thích nghĩa sâu của kinh này. Nhưng các tiên Thánh truyền trao thì chưa có thể hàng phục dứt trừ sắc tướng bên trong là nghĩa hữu sắc làm sao biết như thế. Thứ hai là giải thoát thuyết sai khác, nghĩa là đối với thứ hai đã nói trong không có sắc tướng quán các sắc bên ngoài nên biết, ban đầu giải thoát chưa trừ sắc tướng bên trong. Do luận này kiến lập đầu tiên gọi là trong có sắc tướng quán sắc giải thoát bên ngoài đó là hành giả quán, như hại oán thầy chết tuy đã lìa dục tham mà vì làm cho bền chắc, do hành tướng bất tịnh lại quán các sắc bên ngoài, đối với sắc bên ngoài thường quán sát, trong nội sắc cũng sinh ý tưởng nhằm chán, như người ưa thích sạch sẽ trên cổ cột thầy chết trong lòng rất hổ thẹn càng sinh tâm nhàm gớm. Quán tướng bất tịnh bên ngoài như thế rồi, mới quán sắc thân bên trong cũng bất tịnh. Vì quán tâm thanh tịnh, thấy trong nội thân đầy dẫy ba mươi sáu vật bất tịnh, như nhìn trong cái hộp, các loại vật có nhiều màu sắc gọi địa vị sơ giải thoát cực thành tròn đầy, thành mãn vị giải thoát này là pháp gì? Đó là đối với sắc không có thương ghét trái trách nhằm chán, ngăn dưng dục tham là giải thoát dục tham, là không có tánh tham.

7. Nói về thắng giải tác ý:

2) Nội Vô Sắc tướng quán ngoại sắc giải thoát, trong có sắc tướng quán sắc bên ngoài, đó là thắng giải tác ý. Thấy trong thân mình bị giòi ăng v.v... không thấy thân tướng chỉ thấy giòi tủa, nên trong không có

sắc tướng quán, sắc giải thoát bên ngoài. Theo Chánh Lý thì hành giả tu quán, từ đây thời gian sau lại bỏ trừ tướng duyên nội sắc, nghĩa là do thắng giải tướng tư qua đời. Chỗ bỏ thân chết, nhiều loại cầm thú tranh nhau ăn nuốt, trong chốc lát thân hết chỉ thấy cầm thú, hoặc ở cõi này lấy lửa thiêu đốt cho đến thành tro bị gió thổi bay đi hết trong giây lát thân hết chỉ thấy đất trống. Hoặc tướng tự thân như sữa, muối v.v... bị lửa nước dung hòa tiêu tan cho đến thân không còn chỉ thấy lửa v.v... gọi là nội Vô Sắc tướng quán ngoại sắc giải thoát, vì sức thắng giải này trừ sắc tướng. Mặc dù duyên thân khởi tướng không thấy thân đã dứt bỏ duyên, bên trong sắc tướng, tâm nối tiếp chuyển không có sự nghiệp riêng, nhẹ nhàng an vui nhậm vận hiện ra. Trong địa vị này thường tu tập duyên cảnh sắc xứ nhằm chán hành tướng, đó gọi là thứ hai giải thoát thành mãn, cũng như thứ nhất giải thoát dục tham.

Tuy thời gian trước tu tướng bất tịnh đã được giải thoát duyên sắc dục tham mà từ vô thủy đến nay ngã ái khó dứt, hoặc quán thân có vẫn sợ sinh lui sụt. Nên sau lại tu nội Vô Sắc tướng nhằm chán sắc quán, thanh tịnh hơn trước. Lúc ấy hành giả, y sơ Tĩnh lự đắc hai pháp quán này, càng sinh vị mê đắm vì muốn cho đây càng tăng tấn. Do vậy nhập Tĩnh lự thứ hai lại tu hai giải thoát, và tu hai pháp thứ lớp như trước, (như trên là văn luận).

8. Nói về giải thoát thứ ba:

3) Tịnh giải thoát thân tác chứng cụ túc trụ, là giải thích giải thoát thứ ba, cho nên Luận Chánh Lý chép: Sư Du-già quán bất tịnh lâu ngày, nhằm chán chuyển nên khiến tâm trầm thích. Bị dục sách phát làm cho dần dần ưa thích, hoặc là tạm giải thoát, tu lâu ngày mệt nhọc. Hoặc là tự mình nghiệm kỹ có thể quán bất tịnh, lại nương Tĩnh lự thứ tư. Đối với sắc ở cõi Dục khởi thắng giải tịnh, trước chấp y báu hoa đẹp v.v... tịnh tướng. Do sức thắng giải dần dần tư duy rộng khắp sở duyên tác hành tướng tịnh. Như Khế kinh nói: Kia ở thời gian sau lẽ ra thủ chấp ít tinh tướng tư duy chung các sắc, việc này tuy sách tấn tâm không có trao cử mặc dù quán tịnh tướng mà không khởi tham. Đã biết thế lực gốc lành tăng thượng, kể đối với cảnh đại khái tu tâm kia, đối với một sở duyên quán tịnh an trụ. Địa vị này gọi tịnh giải thoát thanh tịnh tròn đầy, vì có thể xả tướng bất tịnh rất ráo, tịnh giải thoát cũng như thứ hai nội Vô Sắc tướng quán các sắc ngoài, như trên là văn luận.

4) Bốn định Vô Sắc cho đến giải thoát thứ tám, ngoài ra giải thoát danh nghĩa như sau giải thích. Trong tám loại thì ba thứ trước cho đến tướng quán tăng, là nêu thể của ba thứ trước, vì ba thứ này lấy vô tham

làm thể, do cận trị tham, nhưng trong Khế kinh nói nội có sắc tướng quán ngoại sắc, chẳng phải lấy tướng tuệ làm thể, vì thời gian này tướng quán tăng. Như bốn niệm trụ và túc trụ niệm v.v... lấy thật tuệ làm thể mà nói là niệm. Hoặc tuệ làm thể, nên cận trị phát, vì trong ba thứ thứ nhất và thứ hai cho đến hành tướng là nói về hành tướng ba giải thoát trước là khác nhau.

9. Nếu thể của quyền thuộc ba giải thoát:

Ba đồng thời ntrợ giúp đều là tánh năm uẩn, nêu thể quyền thuộc ba giải thoát, vì sơ giải thoát và nhị giải thoát cho đến tâm trừng tịnh, là nói về ba giải thoát y địa mà khác nhau. Sơ định ở cõi Dục có hiển sắc tham, do nhân thức thân dẫn khởi, các địa cũng có phi tăng thượng, là nói cõi Dục vẫn tuệ cũng có ba thứ này, trong ba định cũng có ba thứ, chẳng phải tăng thượng nên không lập giải thoát, trong sơ tịnh định cũng có thứ ba, trong định thứ tư cũng có sơ, định thứ hai cũng có thứ ba. Trong Định thứ tư cũng có sơ, nhị, do chẳng phần tăng thượng nên không kiến lập.

Luận Chánh Lý chép: Tuy trong cõi Dục cũng có đắc mà vì cõi Dục tham lẫn lộn, nên không lập hai tên gọi giải thoát. Trong định thứ ba và định thứ tư tuy cũng đắc hữu, bỏ trị xa thế lực yếu kém, lại lạc tịnh phục nên không được tên. Tam định là lạc phục, định thứ tư là Tịnh phục giải thoát thứ ba y hậu Tĩnh lực lìa tám tai họa vì tâm lắng sạch, đệ tứ cận phần đặt tên hậu Tĩnh lực tương tự gốc lành địa dưới tuy có, chẳng phải tăng thượng nên không gọi giải thoát vì dục tham ở cõi Dục xen lẫn. Trong sơ định định thứ hai không phải phục tịnh, trong định thứ ba lạc bị mê mờ, nên đều không lập tịnh giải thoát, kể là bốn giải thoát tánh yếu kém, nêu ra thể của bốn Vô Sắc giải thoát, bốn Vô Sắc giải thoát chỉ chấp định thiện, chẳng phải tánh thiện và nhiễm, phi tán thiên cho đến cũng có tán thiện, ở đây nói tán thiện hai thuyết khác nhau, địa tán thiện chỉ sinh được thiện không có văn tư.

10. Vì sao gọi là đạo giải thoát:

Cận phần đạo giải thoát cho đến mới gọi là giải thoát: là nói đạo giải thoát trong Không xứ cận phần, duyên không xứ nên được gọi là giải thoát, vì đạo Vô Giác duyên địa dưới, không gọi là giải thoát vì không trái hạ. Trong Luận Chánh Lý lại có một giải thích rằng: Các địa cận phần có chín đạo Vô Giác tám đạo giải thoát, cũng chẳng phải giải thoát vì không trái địa dưới, duyên đạo cõi dưới xen lẫn, lại chưa hoàn toàn thoát nhiễm địa dưới. Như trên là văn luận. Nhưng đối với xứ khác cho đến chẳng phải toàn phần là giải thích xứ khác, giải thoát

thứ tám cho đến được giải thoát, là nói thể tánh của giải thoát thứ tám. Như phẩm Căn có hai giải thích. Một là trái nhằm thọ tướng mà khởi gọi là giải thoát, tức là xứ khác gọi là tướng thọ diệt. Hoặc đều nhằm chán trái hữu sở duyên nhằm tất cả tâm, tâm sở, do đây gọi là định diệt tận, có thuyết nói do đây mà tâm vô lậu xuất hiện, là nói định này nhập xuất tâm khác. Trong tám giải thoát thì ba thứ trước cho đến là cảnh sở duyên, là nói về cảnh giải thoát khác nhau, bất tịnh là đáng ghét, tịnh cảnh gọi là đáng ưa.

Phi trạch diệt kia là pháp hữu lậu của tự địa, thượng địa và loại trí phẩm đạo phi trạch diệt. Thứ ba Tĩnh lực cho đến động loạn, là nói lý do định thứ ba không có giải thoát, hành giả do vì sao cho đến kia mới thành, là nói về ý tu tịnh giải thoát. Do hai duyên cho đến được thắng tự tại, là nói ý tu giải thoát, chữ Đăng là Bình đẳng thắng xứ, nên có thể dẫn khởi cho đến nhiều loại tác dụng, nói về đặc định tự tại thì sẽ khởi tác dụng vô tránh bình đẳng. tại sao trong kinh cho đến đều ở một bên, là nói trong kinh hai giải thoát được gọi là thân chứng, đã nói về giải thoát kể nói về thắng xứ, trở xuống một hàng là thứ ba, nói về tám thắng xứ, cho đến đủ tám loại trước, là nêu tên tám loại. trong tám loại thì loại đầu và loại thứ hai cho đến loại giải thoát thứ ba chỉ cho đồng với trước như thế tám thắng xứ cho đến hoặc nghiệp cuối cùng không khởi, là nói cùng với thể của giải thoát tuy đồng mà lực dụng khác, tức là thắng sở duyên nên gọi là thắng xứ. Giải thoát là nhân thắng xứ là quả. Nhân tu giải thoát nhập thắng xứ, ba giải thoát trước đối với các sắc, chỉ có thể chấp lấy chung tướng tịnh, bất tịnh. Nay tám thắng xứ đối với các sắc, phân biệt các tướng khác nhau như nhiều, ít, xanh v.v... tiền giải thoát chỉ ở trong sắc, trái bỏ tham dục và tướng bất tịnh, nay tám thắng xứ đối với sở duyên, phân tích chế phục khiến cho tùy tâm chuyển, do đây chứng biết.

11. Nêu tên tám loại:

Thứ ba giải thoát chấp chung tướng tịnh nên đặt một tên, trong tám thắng xứ bốn thắng xứ sau sai khác nên chia làm bốn thứ. Nói thắng xứ theo luận Bà-sa quyển một trăm bốn mươi một chép: Hỏi: vì sao gọi là Thắng xứ? Đáp: hàng phục sở duyên bề diệt tham ái nên gọi là thắng xứ. Luận Chánh Lý chép: Hoặc là xứ chuyển biến tự tại, không theo đó khởi hoặc nên gọi là thắng xứ, thắng vượt hơn xứ nên đặt tên là thắng xứ. Hoặc gốc lành này gọi là xứ, xứ có thể trội thắng nên đặt tên là thắng xứ, như trên là văn luận, đã nói về thắng xứ kể nói về biến xứ, một hàng tụng dưới đây là thứ tư nói về mười biến xứ, cho đến gọi là

Biến xứ là nói về tên gọi. Duyên trùm khắp bốn đại, bốn sắc và không thức v.v... gọi là Biến xứ. Luận Chánh Lý chép: Kinh đối với chỗ này đều gọi là một tướng, trên dưới một bên, không có hai, vô lượng, đối với tất cả xứ không có gián đoạn không có kẽ hở, tư duy trùm khắp nên gọi là Biến xứ, khắp mọi nơi chốn nên gọi là biến xứ. Hoặc gốc lành này gọi là xứ, hành tướng khắp nơi nên gọi là biến xứ, trong đây địa v.v... nói lên sở duyên, sở thuyết trùm khắp lời nói hiển bày hành tướng. Hành tướng tuy bình đẳng mà sở duyên khác nhau, do vậy biến xứ chia thành mười loại.

Kinh chép một là nói lên tánh bình đẳng này cho đến tư duy một loại cảnh tướng hiện ra, tướng ngôn hiển rõ là thắng giải tác ý, vì sao chỉ có mười loại được gọi Thắng xứ, vì trên đây không có tướng biến hành, chỉ có thứ tư được Không thức vô biên, có thể được nói có vô biên hành tướng như trên là văn luận. Trong mười thứ tám loại trước cho đến năm uẩn làm tánh là nói về thể tánh, y Tĩnh lực thứ tư duyên dục khả kiến sắc, là nói về sở duyên, đó là sắc xứ làm sở duyên, duyên bốn đại giả lập, có Luận sư khác nói cho đến phong giới làm cảnh, là nói về thuyết khác, hai biến xứ sau cho đến uẩn làm cảnh, là nói về sở duyên, nên biết trong đây cho đến vượt hơn trước trước, là nói về hơn kém.

12. Nói về thuyết khác:

Công đức của ba môn như Giải thoát v.v... trở xuống một hàng tụng là thứ năm, nói về nhị đắc và y thân. Luận chép: cho đến định diệt tận, là chỉ cho thuyết trước tức trước giải thích trong bất tương ứng, vì giải thích khác v.v... cho đến chưa từng tu tập, là nói về bảy giải thoát còn lại có cả hai đắc. Chữ “Đẳng” là tám thắng xứ và mười biến xứ bình đẳng, có người từng tu tập là lia nhiễm đắc, người mới tu tập đắc là gia hạnh đắc. Bốn Vô Sắc giải thoát cho đến do giáo lực, là nói nương thân, nương thân ở địa dưới cho khởi định ở địa trên. Định Vô Sắc nương thân ba cõi mà khởi. Ba giải thoát tám thắng xứ, tám biến xứ, nhờ năng lực dạy bảo nên chỉ ở cõi Dục, vì giáo ở cõi Dục dị sinh và bậc Thánh đều có công năng hiện khởi, là nói về người, giải thoát thứ tám chỉ có bậc Thánh khởi, như trước đã nói, bảy giải thoát trước khởi có cả Thánh ở phàm.

13. Nói về duyên khởi định:

Các Hữu sinh ở cõi Sắc, Vô Sắc, trở xuống một hàng kệ tụng là thứ sáu, nói về duyên khởi định. Luận chép: cho đến nhân khởi, là nói về năng lực của nhân. Đây đối với thời gian trước, gần là gần đây có khởi và là thường tu thường tu là nhân đồng loại gần, vì hai năng lực

của nhân này sinh cõi Sắc và Vô Sắc, tuy không có giáo lực mà được sinh khởi, hai là do nghiệp lực cho đến sinh địa trên, là nói năng lực thứ hai, nghĩa là trước ở cõi Dục, hoặc cõi Sắc tạo thuận sinh thọ và thuận hậu thọ nghiệp. Trong địa trên nghiệp quả sắp thọ, do nghiệp lực này, chắc chắn khiến hữu tình lìa phiền não cõi dưới đắc thượng định, mới được sinh lên cõi kia. Vì nếu chưa lìa phiền não địa dưới thì chắc chắn không sinh địa trên, sức của pháp như thế cho đến đều tăng thanh, là nói về pháp nhĩ lực. Khi kiếp sắp hoại Hữu tình pháp nhĩ đều sinh cõi trên, muốn sinh cõi trên pháp nhĩ gốc lành tăng trưởng, đắc định địa trên dứt phiền não địa dưới các cõi sinh tồn tại bị cho đến hoại diệt. Là nói sinh hai cõi trên khởi định Vô Sắc, do nhân, nghiệp lực chẳng phải pháp nhĩ, định thứ tư không bị ba tai phá hoại. Sinh ở cõi Sắc cho đến thêm nhờ giáo lực, là nói ở cõi Sắc khởi Tĩnh lực cõi trên, do nhân lực nghiệp lực và pháp nhĩ lực, nếu sinh cõi Dục khởi Vô Sắc cõi trên, do nhân lực, nghiệp lực, giáo lực khởi định ở cõi Sắc do nghiệp lực nhân lực, pháp nhĩ lực, giáo lực nên nói từng pháp nên biết thêm do giáo lực.

14. Nói về thời gian pháp trụ:

Trên đây phân biệt nhiều pháp môn, trở xuống một hàng tụng là thứ ba của sau đại văn nói về thời gian pháp trụ, cho đến pháp Bồ-đề phần, văn này có ba: Một là nói về hai thứ chánh pháp; hai là nói về người năng trì; ba là nói về trụ thời phần. Đây thứ nhất, nói về hai thứ chánh pháp, là giáo và chứng, giáo là ba tạng, chứng là pháp phần Bồ-đề của ba thừa, nhân giáo đắc chứng nên trước nói về giáo pháp. Hoặc cùng giáo xưa đối với Phật nay thì giáo trước Phật sau, vì Phật nhờ giáo mà chứng. Nếu giáo nay đối với năng thuyết thì Phật trước mà giáo sau vì Phật nói giáo, hoặc do nay chứng giáo nay thì giáo trước chứng sau nên trước chứng pháp. Nếu dùng nhân chứng có thể mở mang giáo thì có chứng giáo mới trụ, có người năng thọ trì cho đến trụ như thế, thứ hai là nói về người năng trì, do năng thọ trì giữ gìn pháp không diệt mất, do có chánh thuyết truyền pháp không diệt, nếu chỉ trì không thể nói thì thiếu nghĩa truyền đăng, còn chỉ nói mà không trì thì bỏ quên không thực hành, nên phải bao gồm cả hai.

Có người nương giáo pháp tu hành, chứng pháp bèn trụ thế gian, hoặc trì pháp mà không thực hành thì không có gia hạnh thiện. Nếu nương giáo pháp mà thực hành đúng thì sinh pháp Bồ-đề phần, nên do thọ trì chánh thuyết hai người, thì giáo pháp trụ ở đời. Do một người tu hành, chứng pháp trụ thế, nên tùy theo ba người thời lượng trụ thế, nên biết thời trụ của chánh pháp như thế, Thánh giáo nói chung lại hơn so

với đây. Thứ ba là nói về trụ thời phần, trong đó có hai thuyết: Một là nói hai pháp chứng và giáo chỉ trụ ngàn năm, thứ hai là nói chứng pháp chỉ trụ ngàn năm, giáo pháp lại hơn ngàn năm. Trong đây chỉ nói Chánh pháp không nói Tượng pháp. Mạt pháp rộng như luận Bà-sa quyển một trăm tám mươi hai và kinh Niết-bàn quyển hai mươi hai chép hỏi Phật pháp vô thượng gồm trong thời gian bao lâu thì diệt? Đáp: nếu đệ tử có thể thọ trì, đọc tụng, biên chép giảng nói nghĩa ấy, vì các chúng sinh cung kính tôn trọng, khen ngợi, các thứ cúng dường, nên biết lúc ấy Phật Pháp chưa diệt, cho đến thấy người thọ trì v.v... khinh hủy, chê bai ông là sáu giáo chủ ngoại đạo, chẳng phải đệ tử ta, nên biết Phật pháp không bao lâu nữa sẽ diệt.

Bộ Tam Giai chép: Thiên sư Pháp luật đồng mười ba thứ ác ngoại đạo lục sư, ở đây sẽ nói. Nay xét kỹ hai thuyết, thuyết sau là đúng. Cho nên thời nay có giáo pháp, nhưng thuyết chứng pháp cũng là từ nhiều thuyết. Lại y theo nhiều văn kinh nói hơn ngàn năm, nhưng các kinh đã nói tùy theo căn cơ khác nhau, y theo khác xứ khác người để nói pháp diệt. Kinh Ca-diếp nói năm trăm năm, kinh A-hàm nói một ngàn năm, kinh Đại Tập nói một ngàn năm, trăm năm và nói năm lớp kiên cố lại nói Chư Phật cũng muốn nói pháp trụ lâu. Phẩm Pháp Trụ trong Kinh Bồ-tát Xử Thai, thì nói kinh này lưu trụ hoặc đến hai ngàn năm hoặc ba ngàn năm. Lại kinh Nhân Vương quyển hai chép sau khi ta diệt độ trong tám mươi năm, tám trăm năm, tám ngàn năm không có Phật không có Pháp không có tăng, không có thiện nam, không có tín nữ.

Kinh Tam Bảo phó chúc cho quốc vương, bốn bộ đệ tử thọ trì, đọc tụng giải thích nghĩa ấy vì chúng sinh trong ba cõi khai đạo không tuệ tu hạnh Thất Hiền, hạnh mười điều thiện, giáo hóa tất cả chúng sinh. Pháp sư chân đế giải thích tám mươi năm là tám mươi năm sau cùng của thời chánh pháp, tám trăm năm là tám ngàn trăm năm, sau cùng của thời Tượng pháp, tám năm, tức là tám ngàn năm sau cùng của một vạn năm thời mạt pháp. Xét ý văn này có thời Mạt pháp. Y theo kinh Đại Thừa Đồng Tánh quyển hạ chép: Như Lai hiển hiện từ tầng trời đầu xuất xuống cho đến giữ gìn tất cả Tượng pháp, tất cả Diệt pháp. Thiện tượng phu pháp nên biết, hóa sự như thế đều là ứng thân, theo kinh này thì diệt pháp là tên khác của Mạt pháp. Phẩm An Lạc Hạnh trong Kinh Pháp Hoa quyển năm chép: Sau khi Như Lai diệt độ trong thời Mạt pháp muốn nói kinh này nên trụ hạnh an lạc theo văn kinh này có thời Mạt pháp.

15. Thuyết của luận Thiện kiến:

Trong thọ ký thịnh văn chỉ chép Chánh pháp, Tượng pháp lược qua không nói Mạt pháp. Luận Thiện Kiến chép: Một ngàn năm đầu, nếu các đệ tử siêng năng tu hành tinh tấn chứng quả A-la-hán, ngàn năm thứ hai đắc quả thứ ba, ngàn năm thứ ba đắc quả thứ hai, ngàn năm thứ tư đắc Sơ quả, từ đây về sau là thời Mạt pháp của ta. Y theo văn luận trên thời kỳ chánh pháp phần nhiều đắc quả Vô học, thời Tượng pháp đắc ba quả trước, thời Mạt pháp không đắc đạo quả. Lại luận Thiện Kiến chép: Chánh pháp của Như Lai trụ ngàn năm, nhưng do độ Cù-di xuất gia nên giảm năm trăm năm, vì thế Phật dạy thực hành tám pháp cung kính và độ cho năm trăm người nữ dòng họ Thích đều đắc quả A-la-hán đều tăng một ngàn năm, cho nên chánh pháp lại được ngàn năm. Theo văn luận này trong các kinh luận nói chánh pháp năm trăm năm ban đầu độ người nữ, sau nói một ngàn năm là trước khi chưa độ người nữ và sau khi nói tám pháp cung kính. Theo Pháp Trụ Ký chép: Mười sáu vị A-la-hán mỗi vị đều đem theo vô lượng quyển thuộcm tuổi thọ của con người dần dần tăng cho đến lúc được bảy muôn tuổi, do lực dụng bản nguyện được bảy báu kia. Vì Suất-Đô-bà thờ Phật xây thì Xá-lợi Đức Thích-ca, tự nhiên lưu nhập vào tháp. Sau đó tháp Xá-lợi Phất lún sau vào đất cho đến mé Kim Cương, lúc ấy các vị La-hán hóa lửa đốt thân, nhập Bát Niết-bàn. Kế có bảy câu chi vị Độc Giác xuất hiện ở đời giáo hóa các chúng sinh, tuổi thọ của con người dần giảm cho đến lúc còn tám muôn tuổi, cùng lúc đều nhập Niết-bàn vô dư. kế sau Phật Di-lặc ra đời. Kinh Liên Hoa diện chép lúc rốt sau Phật Pháp diệt hết. Xá-lợi Như Lai nhập vào cung rỗng, cung rỗng pháp diệt nhập mé Kim Cương. Sau bảy ngày bảy đêm, trời đất tối đen, có ngoại đạo nói trong hư không. Nay pháp của Sa-môn Cù-đàm diệt hết rồi, chúng ta sẽ được giáo hóa tất cả chúng sinh trong pháp giới, nói đoạn hiện thân đọa vào địa ngục A-tỳ. Sau đó Phật Di-lặc ra đời, hai giáo trên đây chỉ y theo Pháp mà tồn tại, không y theo hành và học, tuy giáo hóa chúng sinh, không nói hạnh ưa tu ra đời, như kiết giới yết-ma bỏ phế không thực hành, chẳng phải không có giới luật giáo pháp ở đời, Phật Pháp hoại diệt, không chỉ một chỗ, chỗ nói khác nhau, do đó giáo có khác nhau.

16. Nói về tông thú của luận này:

Luận này nương vào cho đến giải thích đối pháp, là thứ tư của đại văn nói về tông thú của luận này, là hỏi bài tụng trả lời có thể biết, Luận chép: cho đến lý khéo thành lập là khen ngợi các Sư Tỳ-bà-sa nước Ca-thấp-di-la cùng nghị luận về lý của A-tỳ-đạt-ma, là khéo thành lập. Ta thường y theo luận đó giải thích tông đối pháp, là nói đã thường

nương luận Bà-sa để giải thích. Đa ngôn là nói ít có con đường khác, đó là hiển sắc, hình sắc, tượng sắc, quá khứ, vị lai, hữu, phi hữu v.v... Luận chép: là lỗi của ta; Ít có lượng rộng ít có lượng nghĩa rộng là Tỳ-bà-sa là lỗi của ta, do chẳng phải đệ tử của Đức Thế Tôn Đại Thánh ít có lượng rộng nên thành lỗi lầm Luận chủ chê trách, phán đĩnh giáo pháp Chánh Lý chỉ có đệ tử Thế Tôn và các Như Lai Đại Thánh, đệ tử của chỉ ngăn ngoài ra chẳng phải Phật, Thế Tôn và Đại Thánh đệ tử. Theo ý này thương lược luận Bà-sa, còn sáu túc luận kia và luận này. Sư Tỳ-bà-sa chẳng phải Thế Tôn và đệ tử Đại Thánh, lục túc, phát trí là do đại đệ tử soạn không thương lược.

17. Phần lưu thông khuyến học:

Dưới đây có ba bài tụng, là thứ ba của đại văn là phần lưu thông khuyến học, trong đó có ba ý. lúc Luận chủ soạn luận sau khi Phật nhập Niết-bàn chín trăm năm, giáo và chứng chánh pháp đều sắp diệt, một bài tụng đầu thương xót, giáo pháp, một bài tụng kế là khen ngợi chứng pháp, bài tụng thứ ba khuyên cầu chứng pháp. Trong bài tụng thứ nhất có bốn trường hợp. Câu một nói Phật khéo thuyết giáo có công năng mở mắt cho thế gian gọi là Thế nhân. Sau đại sư Niết-bàn ngàn năm, nên nói nhắm mắt đã lâu. Câu thứ hai nói đại đệ tử thuyết giáo đều làm cho người chứng bị tán diệt, nhiều lời là nói ít phần. Câu thứ ba nói mắt thế gian đã nhắm từ lâu, hay vì người chứng phá đã tán diệt, không thấy chân lý, không thấy chân nhân nên không có người phán giáo. Câu thứ tư là nói thấy lý nên bị lỗi tâm tư, do suy nghĩ nghiên cứu sai lầm vọng chế giáo nên loạn chánh giáo, loạn Thánh giáo nên giáo pháp diệt.

Bài tụng thứ hai có bốn trường hợp, câu thứ nhất nói không có bốn sư giáo thọ. Tự giác là Phật, người đã trở về sự vắng lặng hoàn toàn. Là trở về Niết-bàn, trong các vắng lặng, Niết-bàn là trên hết nên gọi là hơn, là nói bốn sư giáo thọ. Câu thứ hai là nói không có đệ tử dạy trao, người giữ gìn giáo pháp kia, đó là Thánh đệ tử, phần nhiều diệt theo, nghĩa là các đại đệ tử phần nhiều Niết-bàn theo Phật, chữ Đa là hiển rõ cũng có ít, là nói người truyền giáo trao danh cũng không. Câu thứ ba thế gian không có chỗ nương tựa, là nói vô thượng hai người, mất các đức do không có thầy nên không có đức định tuệ. Câu thứ tư thì không có câu chế hoặc, định tuệ như móc câu, hoặc phiền não như con voi say, voi say không có móc sắt chế ngự, tha hồ chạy khắp nơi, các hoặc không có móc câu định tuệ, cũng tùy ý trôi lăn, do đó chứng pháp sắp diệt.

Bài tụng thứ ba, câu bốn, câu đầu nói đã biết Như Lai là pháp

chủ, chánh pháp là giáo chứng chánh pháp, thọ là một ngàn năm. Câu thứ hai dần dần chìm mất là một trăm năm đầu dần dần cho đến chín trăm năm, như đến cổ họng là dụ. Như người sắp chết hơi thở hết, cho đến cổ họng biết chết không lâu, chánh pháp dần dần bị chìm mất, cho đến chín trăm năm sắp diệt không lâu, câu thứ ba, là khi năng lực phiền não tăng là nói khi sân, nhuế hai thứ chánh pháp sắp diệt thì phiền não của chúng sinh tăng. Câu thứ tư nên câu giải thoát chớ buông lung là khuyên học chánh pháp, ba bài tụng tổng cộng có mười hai câu, câu một buồn than giáo pháp diệt, câu hai buồn than chứng pháp diệt, hai câu kể buồn than hai thứ chánh pháp diệt. Một câu than phiền não tăng, một câu sau khuyên câu giải thoát.

Phẩm 9: PHÁ CHẤP NGÃ

(Phần 1)

1. Ngã có mấy thứ:

Ngã có hai thứ: Một là năm uẩn nhóm họp giả gọi là ngã, hai hoặc là tức uẩn và lìa uẩn, chấp riêng một vật cho là thật ngã. Năm uẩn giả lập ngã không trái lý, giáo, Luận chủ không phá, riêng chấp thật ngã trái lý và giáo kia, chương ngại nhân xuất ly, nay Luận chủ bác bỏ, nên gọi là phá chấp ngã. Tám phẩm trước nói rộng về tự tông, chân tục đối pháp thuận lý vô ngã, phân biệt các pháp, nay phá chấp của ngoại đạo nên sau sẽ nói. Vượt ngoài đây chẳng lẽ không có giải thoát, trong phẩm này tự có hai phần một là chánh phá ngã, hai là khuyến học vô ngã. Y theo các kinh ví dụ hỏi chẳng phải phần tựa không thể chia làm ba, xét trong phần phá ngã lại chia làm ba: 1. Phá chung chấp riêng là thật ngã. 2. Phá chấp ngã của bộ khác. 3. Phá dị đạo chấp ngã. Y theo văn trước lại chia ra hai phần là lỗi chấp ngã và chánh phá chấp thật ngã, trong văn trước lại có bốn đoạn hỏi đáp, gạn và giải thích.

Vượt quả phẩm trên là nói lý vô ngã chấp riêng thật ngã, chẳng lẽ không giải thoát? Đáp: về lý chắc chắn không có, vì sao? Là gạn sở dĩ vượt qua vô ngã này là y hữu ngã tông không được giải thoát. Vì ngã chấp luống dối mê loạn, là giải thích trong giải thích có hai, trước lược sau rộng. Đây là giải thích, nghĩa là ngoài pháp này cho đến không chấp nhận giải thoát, là giải thích rộng, tất cả phiền não đều nhân chấp ngã, nghiệp sinh tử do phiền não khởi, luân hồi trong ba cõi do hoặc nghiệp. Cho nên chấp ngã không được giải thoát. Lấy gì làm chứng cho đến phân biệt ngã thể, thứ hai là chánh phá thật ngã, trong văn có hai là hỏi và đáp, văn này là hỏi. Luận chép: Đối với sở chấp kia cho đến tỷ lượng, là đáp. Trong đáp có hai là lược và rộng, đây là lược đáp. Luận chép: Nghĩa là nếu ngã thể cho đến như năm sắc căn, là đáp rộng. Trong văn có hai: Một là nói về hai lượng, hai là giải thích lại sắc căn tỷ lượng. Đây là văn đầu trong hữu pháp có hai thứ, nếu không có chương duyên, hoặc hiện lượng được như ý sáu cảnh, hoặc tỷ lượng được như năm sắc căn.

2. Giải thích năm căn tỉ lượng:

Hoặc không có pháp chẳng phải hai lượng đặc, lìa uẩn chấp ngã chẳng phải hai lượng đặc, biết thể là vô, nói năm sắc căn cho đến như hạt giống nảy mầm, lại giải thích năm căn tỉ lượng, trong văn có ba dụ, pháp và kiết đây là dụ lời văn rất dễ hiểu. Như thế cũng thấy cho đến

tỉ lượng sắc căn, kế là pháp thuyết như dụ rất dễ hiểu, lia uẩn ngã cho đến không có thể của chân ngã sau là tổng kết. Nhưng Độc Tử bộ cho đến không phải một không phải khác là thứ hai của đại văn phá Di bộ, trong văn có hai là nói về tông chấp và hỏi đáp nên phá. Trong các bộ chỉ có Độc tử bộ chấp có thật ngã, trong tri pháp có năm pháp là: Pháp hữu vi chia làm ba đời, vô vi thứ tư, pháp tạng bất khả thuyết thứ năm, cùng pháp hữu vi, vô vi ở trước chẳng đồng chẳng khác. Trong đây chỉ nói với uẩn, không phải một không phải khác, tức chấp pháp này cho là thật ngã. Năm pháp tạng này đồng với năm thứ pháp hải của đại Bát nhã, đó là ba đời, vô vi và bất khả thuyết. Bất khả thuyết là thắng nghĩa đế, Độc tử bộ không nhiễm tà trí, đó là thắng nghĩa đế là ngã thể kia, khác nhau với ngoại đạo tà trí nhiễm ô chấp có thật ngã thuộc về ngã kiến, nên suy nghĩ là thật hay giả, là thứ hai hỏi đáp để bác bỏ đây là Luận chủ hỏi thứ nhất là phá giả thật. Thật có giả có tướng khác nhau thế nào? Ngoại đạo hỏi ngược lại tướng giả thật, phân biệt có sự vật cho đến như sữa lạc v.v... Luận chủ trả lời về tướng thật giả; bốn cảnh như sắc... có thể tánh riêng là thật có tướng, các vật như sữa bơ v.v... do bốn cảnh cùng thành là giả có tướng. Chấp thật chấp giả đều có lỗi gì, là ngoài đạo hỏi lỗi giả thật, nếu thể là thật cho đến luống chấp thật có, là nêu ra lỗi thật có. Một có tánh riêng hoàn toàn có lỗi khác với uẩn, như phân biệt uẩn, hai là có lỗi nhân, có thật thể có nhân sinh, các uẩn như sắc... hoặc cho rằng không có nhân mà có thật thể lẽ ra là vô vi, giống như các chấp của ngoại đạo, hoặc là vô vi lẽ ra vô dụng đều trái với tông của ông, luống chi chấp thật có. Nếu thể là giả thì đồng với tôi nói, chẳng phải tông của ông nêu ra lỗi giả.

3. *Nêu ra lỗi của giả:*

Chẳng phải ngã sở tại cho đến lập Bồ-đặc-già-la, là ngoại chuyển chấp nói lầm như vậy cho đến cũng đồng lỗi này. Dưới đây là thứ hai phá y uẩn. Ông nói y uẩn là xét các uẩn hay là nương nhờ, là nhân các uẩn gọi là y, cả hai đều có lỗi, đều trái lỗi tự tông. Xét uẩn tức là giả lập, nhân uẩn tức là vô thường không lập như thế, ngoại đạo chuyển chấp, y nghĩa không như Luận chủ đã lập. Đã lập thế nào? Là Luận chủ gạn hỏi, dưới đây là thứ ba phá dụ, như thế gian y củi lập lửa, là ngoại đạo trả lời. Vì sao lập lửa có thể nói y củi, Luận chủ xét định đó là chẳng lia củi cho đến chẳng phải một chẳng phải khác, là ngoại đạo trả lời, nghĩa là chẳng lia củi có thể lập có lửa, là nói y nghĩa mà củi và lửa chẳng khác, nói lên khác nhau khác. Nếu lửa khác củi thì cái bị đốt tức là cái năng đốt, lại gạn hỏi thành ra không phải một không phải

khác. Như thế không lia uẩn thì thể lẽ ra thành đoạn, hợp pháp. Bồ-đặc-già-la do Độc tử bộ lập chẳng thường chẳng đoạn. Nhân nay ở đây cho đến lửa y củi dưới đây là Luận chủ bác bỏ, trước là phá lửa y củi, sau phá vặn hỏi không phải một, không phải khác. Trước sẽ xét định dụ bác bỏ lửa y củi.

4. Nêu thể khác nhau giữa lửa và củi:

Sao lại nên nói, là ngoại đạo hỏi. Luận chép: Nếu nói nên nói cho đến gọi củi là lửa, lại xét định thể của lửa củi, vả lại thể gian cùng rõ cho đến thời gian đều khác nhau. Luận chủ y theo giả lập lửa vì nêu ra thể khác nhau của lửa và củi, đều là giả có. Lửa khác củi, nghĩa là phá trước không khác. Nếu ông chấp cho đến thành tánh vô thường phá hoặc đồng lửa y củi, nghĩa kia là vô thường khá với uẩn, trái với thuyết trước kia nghĩa là chẳng phải không khác vô thường. Nếu cho rằng cho đến nhân noãn xúc, y theo thật lửa để phá, hoặc tám hạt bụi đồng tụ, noãn xúc là lửa, còn lại bảy loại là củi noãn xúc và thể tướng đều khác nhau, duyên riêng đều sinh tại sao nói nương củi lập lửa, trên đây là phá thể của lửa, không y củi cũng chẳng phải lửa này do củi mà lập, vì lập lửa gọi nhân noãn xúc. Như trên là phá tên gọi lửa không nương vào củi. Luận chép: Nếu cho rằng điều đã nói cho đến, hoặc nghĩa y chỉ là phá chuyển chấp, hoặc do câu sinh, hoặc y chỉ nghĩa gọi là lửa y củi chẳng phải nhân là củi, Bồ-đặc-già-la sinh chung với uẩn, hoặc y chỉ uẩn, trái tự lập tông rằng chẳng phải một, không phải khác. Đã rõ ràng thừa nhận cho đến nên giải thích phi lý thuật lại để phá chấp khác. Nếu ông nói lửa là củi chung và y củi nên gọi lửa nương củi, thừa nhận rõ ràng lửa, củi thể khác nhau, lửa theo củi tất.

Như thế nên chấp nhận các uẩn là không, thể của Bồ-đặc-già-la cũng chẳng có mà không thừa nhận đúng nên giải thích phi lý, nhưng kia đối với đây cho đến nêu lên làm vặn hỏi, thứ hai là phá vặn hỏi, ở đây phá câu vặn hỏi ở trước khác với củi, củi lẽ ra không nóng, nếu nóng gọi là noãn xúc thì noãn xúc khác củi, tức củi chẳng nóng vì thể tướng đều khác nhau. Nếu cho noãn hợp thì củi hơi nóng được chấp nhận củi gọi là hơi nóng, mặc dù củi lửa khác nhau mà lỗi không thành, vì sao trong đây nêu làm câu hỏi. Hoặc cho rằng cây gỗ v.v... cho đến không có lý ngăn được tức củi là lửa, đã là củi tức là lửa, y nghĩa gọi là gì, dụ pháp quyết định lẽ ra là đồng vô lý có thể ngăn, Luận chép: cho nên điều kia cho đến theo lý không thành lập, tổng kết dụ lửa nương củi, tiến lùi suy gạn, lý không thành lập, lại kia hoặc chấp nhận cho đến chẳng phải thứ năm.

5. *Vấn hỏi về chuyển chấp:*

Thứ tư nạn chuyển chấp không thể nói đồng khác. Luận chép: Nếu ngã và uẩn đều không thể nói nêu chấp kia, kia lập ba đời vô vi chẳng phải không thể nói. Thứ năm pháp tạng không thể nói hoặc ông chấp ngã không thể nói là một hay là khác với uẩn, năm thứ phiền não lẽ ra cũng không thể nói, do ta không thể nói khác, là thứ năm cũng không thể nói là không khác vì chẳng phải thứ năm. Nhĩ-diệm, tân dịch là sở tri, xưa dịch Trí mẫu. Pháp sư Chân đế giải thích ta hoặc khác bốn thứ trước thì có thể nói, không nên lập thứ năm là không thể nói không khác bốn thứ trước thì chỉ có bốn, chẳng có thứ năm để nói, nên không thể gọi là thứ năm hay chẳng phải thứ năm. Luận ấy lập ra cho đến thế nào là sở thuyết thứ năm là phá giả thiết. Luận chủ lại xét định. Nếu nói ở đây thiết lập cho đến chỉ dựa vào uẩn Luận chủ tới lui nêu ra lỗi, hoặc y uẩn nhờ nghĩa tự thành, hoặc nương Bồ-đặc-già-la thì trái với trước lập y uẩn. Nếu cho rằng có uẩn cho đến ở đây y uẩn lập, Luận chủ tại nhắc lại chấp, chấp rằng do có uẩn nên biết có Bồ-đặc-già-la, vì vậy tông trước nương uẩn lập. Luận chép: đó là các sắc cho đến nương nhãn v.v... là Luận chủ bác bỏ chấp ở trước, nhờ uẩn biết có ngã, nói ngã nương uẩn, nhờ mắt biết có sắc lẽ ra nói sắc nương mắt.

Lẽ ra nói cho đến cái gì là năng thức sở thức. Luận chủ xét thức thức? Đáp: sáu thức là sở thức. Luận chép: vì sao? Là Luận chủ gạn hỏi. Nếu trong một lúc cho đến cùng pháp có một, có khác là tông kia giải thích, do nhân mà biết sắc v.v... nên biết là Bồ-đặc-già-la, nên nói Bồ-đặc-già-la sáu thức biết. Nếu thế cho đến là một, là khác với xúc, là Luận chủ gạn thành giả nhân biết bốn cảnh, biết có sữa giả, sữa và bốn cảnh chẳng phải một chẳng phải khác.

6. *Tổng kết thành câu hỏi:*

Bốn cảnh là thật mà sữa là giả, nhân thức sắc mà biết ngã, ngã là giả, chẳng phải sữa v.v... thành bốn cho đến là giả chẳng phải thật, tổng kết thành câu vấn hỏi. Như bốn cảnh thành sữa, sữa không chia thành bốn, lại không thể nói sữa chẳng phải bốn thứ đã thành. Do đây dụ rõ ràng, đều y theo các uẩn mà lập có Bồ-đặc-già-la, cũng như thế gian đồng bốn cảnh như nương sắc v.v... giả lập sữa v.v... là giả chẳng phải thật. Thuyết kia cho đến cũng có thể rõ, Luận chủ lại xét định phá lúc rõ ngã, nhãn thức biết sắc, do đây biết có Bồ-đặc-già-la, vì nhãn rõ sắc rồi mới có ngã hay lúc rõ sắc cũng rõ ngã.

Nếu nói các sắc cho đến sắc khác nhãn v.v... là bác bỏ sắc vì nói nhân ngã với nhãn là nói các sắc, sắc và nhãn, v.v... rõ ràng thế là khác,

lúc nhờ sắc rõ ngã. Vì sao ngã và sắc không khác? Nếu lúc rõ sắc, có năng liễu riêng, phá lúc rõ sắc thì rõ ngã cả hai chắc chắn liên quan. Nếu sắc năng liễu cho đến do phân biệt lập, phá năng liễu đồng, trong vẫn có ba lớp phá: Một là thể đồng phá, hoặc sắc năng liễu tức năng liễu ngã, chấp ngã thể là sắc. Hai là ngay sắc giả lập bác bỏ, hoặc với sắc giả lập ngã. Ba là không hai phân biệt phá, hoặc tức là năng liễu, sắc rõ ngã hoặc không nên phân biệt loại như thế là sắc, loại như vậy là ngã. Hoặc không như vậy hai thứ phân biệt, vì sao lập có sắc có ngã, vì có tánh phải do phân biệt lập. Hoặc trong đây cho đến câu vặn hỏi cũng đúng, là phá năng liễu biệt, hoặc trước rõ sắc sau rõ ngã vì phân biệt lúc liễu rõ, lẽ ra ngã khác sắc. Như màu vàng khác màu xanh, trước khác sau v.v... cho đến pháp cảnh hai thiếu gạn hỏi, nghĩa ấy cũng đúng.

7. *Bác bỏ chuyển sang chống chế:*

Hoặc kia chống chế rằng cho đến bèn hoại tự tông, là bác bỏ chuyển sang chống chế, vì ngã và sắc không phải một không phải khác. Sắc ngã năng liễu, cũng không phải một, không phải khác, phá rằng ngã chẳng phải hữu vi, có thể nói là đồng với sắc v.v... không phải một không phải khác, năng liễu là pháp hữu vi, làm sao được nói chẳng chắc chắn là một, là khác, nếu chấp chẳng phải hữu vi, thì trái tự tông. Lại nếu thật có cho đến đều không có ngã, nêu ra lỗi trái giáo, kia đã chấp nhận cho đến vì sao sanh khởi là phá nhãn thức đắc ngã, cả hai chắc chắn có liên quan. Nếu duyên sắc khởi cho đến như tinh xứ v.v... là phá duyên sắc khởi, nếu duyên sắc khởi thì không nói ngã, như không nói âm thanh chẳng phải sắc, nói sắc chẳng phải âm thanh. Ngã chẳng phải sắc liễu, sắc chẳng nói ngã, hoặc có thức cho đến chắc chắn chẳng phải nhãn thức sở liễu, lại do duyên sở duyên là khó. Sắc là duyên sở duyên của nhãn thức, nhãn thức năng liễu sắc, ngã chẳng phải duyên sở duyên của nhãn thức, chỉ là nhờ nhãn thức mà biết, làm sao nhãn thức có thể rõ được ngã. Nếu nhãn thức khởi cho đến do hai duyên, là bác bỏ nhãn thức rõ ngã và sắc, trái với ba kinh, ở đây trái kinh hai duyên sinh thức. Kinh chép hai duyên sinh nhãn thức đó là nhãn và sắc, không nói ba duyên nhãn, sắc, ngã. Lại Khế kinh nói cho đến đều duyên nhãn sắc, trái với kinh thứ hai. kinh đã nói đều duyên nhãn thức, sắc làm sao có duyên với nhãn, ngã liền hoại pháp nghĩa. Nếu như vậy cho đến đều là tánh vô thường trái với kinh thứ ba, kinh nói sinh thức duyên đều là vô thường, nếu ngã sinh thức thì lẽ ra là vô thường, nếu kia bèn nói rằng cho đến liền hoại tự tông, là phá chuyển chấp. Hoặc chuyển chấp rằng: Ngã chẳng phải sở duyên của thức, lẽ ra chẳng phải cái bị biết. Hoặc

chẳng phải cái bị biết thì chẳng phải sở tri, ông đã không biết, làm sao lập có, nếu không lập có, thì hoại tự tông.

8. Bác bỏ sáu thức biết:

Nếu chấp nhận là sáu thức sở thức, cho đến là nạn y theo đây, là bác bỏ sáu thức biết, trong vẫn có hai trái lý và trái kinh, ở đây là trái lý tông kia lập không phải một không phải khác với sắc... hoặc nhãn thức thức, liền khác thính hương v.v... như sắc. Hoặc nhĩ thức thức thì khác với sắc, hương như âm thính còn thức sở thức là gạn hỏi. Y theo đây lại lập sáu thức sở thức này cho đến chúng dựa vào ý, có lỗi trái kinh thứ hai, nếu ta mắt thấy sắc, tai nghe tiếng tức là khác căn, cũng có thể thọ dụng khác căn hành xứ thì trái với kinh nói Phạm Chí nên biết. Cảnh hành xứ của năm căn đều khác nhau. chỉ thọ dụng tự hành xứ và tự cảnh giới, chẳng có khác căn cũng có thể thọ dụng căn khác, hành xứ và cảnh của căn khác. Năm căn chỉ thọ dụng tự cảnh giới, cho nên thọ dụng hành xứ và ý cảnh giới của năm căn, vì chỉ nương ý.

Hoặc không chấp cho đến có lỗi trái tông, dù cho chuyển chấp, nếu nương bốn tông là cảnh của năm căn thì có lỗi trái kinh, hoặc chuyển chấp chẳng phải cảnh của năm căn thì có lỗi trái tông. Nếu vậy cho đến tự cảnh giới. Độc Tử bộ dẫn kinh gạn hỏi, vì kinh nói năm căn năm cảnh đều khác, nên không chấp nhận đồng ngã gồm năm căn thủ. Kinh Lục Sinh Dự nói sáu căn sáu cảnh có khác, lẽ ra ý không thể chấp năm căn cảnh, kinh dự sáu loại chúng sinh với sáu thức, gọi là dự sáu sinh, như kinh có nói rộng.

9. Luận chủ giải thích kinh:

Chẳng phải trong đây nói cho đến không trái lỗi trước, là Luận chủ giải thích kinh, kinh nói sáu căn hành xứ, cảnh giới đều có khác nhau đều khác lạc cầu tự sở hành xứ, và tự cảnh giới, chẳng phải sáu căn như nhãn v.v... chỉ nói thế lực tăng thượng của nhãn v.v... dẫn ý thức gọi là sáu căn như nhãn căn... Vì sao? Vì năm căn như Nhãn căn... là thức sở sinh không có thế lực lạc kiến v.v... Lạc kiến: Là ý thức sau năm thức, là ý thức độc hành không thể ưa cầu năm căn như nhãn căn v.v... sở hành cảnh giới, nên nói như vậy. Cảnh hành xứ của sáu căn đều khác, không trái với thuyết trước, năm căn đều chấp tự cảnh giới.

Lại, Đức Thế Tôn nói cho đến cảnh phải đồng, là Luận chủ lại dẫn kinh chứng minh ngoài pháp không có ngã, ngã chẳng phải cái bị biết. Biết thấu là tuệ, ngã chẳng biết thấu, chẳng phải cảnh của tuệ, cảnh của thức và tuệ, đồng chứng chẳng phải cái bị biết, chư nghĩa là nhãn kiến cho đến hồ sâu ác kiến, giải thích Độc Tử bộ rằng: Thấy ngã

tức là nhãn căn thấy tất cả tướng nên biết, cái thấy chẳng phải là ngã cho là thấy ngã, kia bèn sân đọa vào hầm sâu ác kiến. Hoặc đối với ngã thấy ngã, đâu gọi là chẳng phải ngã cho là thấy ngã, nên trong kinh Phật cho đến Bồ-đặc-già-la là dẫn kinh để chứng minh ngay nơi uẩn nói ngã. Luận chép: như người, khế kinh cho đến gọi là người. Trong đó bốn thứ sau là thức, thọ, tưởng, tư là Vô Sắc, Kinh bộ xúc tức ba hòa nên không nói riêng. Luận chép: tức ở trong đây cho đến kinh liễu nghĩa không nên giải thích khác, theo nhiều nghĩa gọi là tướng đều là uẩn giả lập không khác ngã.

Lại, Bạc-già-phạm cho đến bất khả thuyết, dẫn kinh để chứng minh ngoài mười hai xứ không có pháp chứng minh ngã là không, hoặc chẳng thuộc xứ, chứng minh ngã là không. Hoặc thuộc xứ thì chẳng phải không thể nói, bộ tụng kia cho đến ở đây có thật thể, Luận chủ dẫn kinh mà Độc Tử bộ đọc tụng, lìa uẩn không có thật thể của ngã, lời văn rất dễ hiểu. Tần-Tỳ-bà-sa Khế kinh cho đến nói rộng nói, lại dẫn kinh chứng minh lìa khổ uẩn không có ngã riêng. Luận chép: Có Tỳ-kheo-ni A-la-hán cho đến nên biết các uẩn lại dẫn bài tụng A-la-hán-ni để chứng minh ngã là giả. Như Đức Thế tôn cho đến cũng đều bất khả đắc, là dẫn Tạp A Hàm chứng minh vô ngã. Kinh nói chấp ngã cho đến không thể thanh tịnh, lại dẫn kinh chứng minh chấp ngã có năm lỗi.

10. Chấp ngã có năm lỗi:

- 1) Khởi chấp ngã cho đến vượt qua đường mà đi.
- 2) Trong tánh không tâm chẳng ngộ nhập.
- 3) Không thể tin hiểu thanh tịnh.
- 4) Không thể an trụ.
- 5) Không đắc giải thoát.

Do năm lỗi này các Thánh pháp đối với kia không thanh tịnh. Luận chép: Ở đây đều phi lượng, Độc tử bộ đều chẳng phải kinh ở trước dẫn, chẳng phải Thánh ngôn lượng, vì sao? Vì Luận chủ gạn hỏi lý do phi lượng đối với ngã trong bộ không hề tụng, Độc tử bộ trả lời lý do phi lượng. Tông ông chấp nhận là lượng cho đến là lời Phật, Luận chủ gạn hỏi tông ông chấp nhận là lượng hay là bộ này chấp nhận là lượng là lời Phật nên chấp nhận lượng. Nếu bộ là lượng thì Phật chẳng phải thầy ông, ông không phải Thích tử, vì bộ ông nói ngã trái với Phật nói. Nếu Phật nói lượng, thì dẫn chứng đều là lời Phật sao nói phi lượng. Luận chép: Kia cho rằng thuyết này cho đến ngã bộ không tụng, Luận chủ nói về ý kia, ngã bộ không tụng là chứng minh chẳng phải lời Phật cho nên phi lượng.

11. Luận chủ bác bỏ:

Điều này rất phi lý, Luận chủ sai, phi lý chỗ nào ngoại đạo phản vấn, văn kinh như thế cho đến giải thích phi lý, là Luận chủ bác bỏ, bộ kia không tụng, chứng minh chẳng phải lời Phật, là rất phi lý, do Độc Tử bộ không tụng. Kinh không chỉ chấp nhận như trên lại có nhiều kinh, kia tuy không tụng nhưng bộ khác đều tụng, vì sao cuồng hung đều cho không phải giáo lý của Phật, chẳng phải chân thật Phật nói. Bộ kia nói đều là tánh vô ngã. Luận chủ so lường mà biết, nói tất cả pháp đều là phi ngã tánh, do Phật giáo y theo vô khác với ngoại đạo. Hoặc ý kia cho đến đều phi ngã, Luận chủ lấy ý phá, ngã và tất cả pháp vì không phải một không phải khác, kinh nói tất cả pháp đều phi ngã tánh, chẳng phải đều không có Bồ-đặc-già-la. Đã thế cho đến kinh phán quyết lại dẫn kinh để phá, tất cả pháp đã chẳng phải ngã không phải một không phải khác với ngã nên gọi là phi ngã, ngã lẽ ra chẳng phải là cái mà ý thức biết, kinh nói hai duyên ý, pháp sinh thức vì không nói ngã.

Các kinh lại nói cho đến tưởng tâm thấy diên đảo, nếu cho rằng có ngã, tại sao chẳng phải chấp ngã gọi tâm tưởng thấy diên đảo? Chấp ngã thành diên đảo, đâu cần giải thích, là Độc tử bộ giải thích kinh, kinh nói: Chấp ngã thành diên đảo, là nói chẳng phải đối với ngã pháp chấp ngã là diên đảo, kinh chẳng nói đối với ngã chấp ngã. Là diên đảo, đâu cần giải thích, Phi ngã là gì? Luận chủ gạn pháp phi ngã? Đó là uẩn xứ giới Độc tử bộ trả lời phi ngã chấp. Lại trái với thuyết trước không phải một, không phải khác. Luận chủ vặn hỏi trái với tông, hoặc uẩn xứ giới là pháp phi ngã. Thứ năm là ngã, ngã và uẩn hoàn toàn chẳng phải một, tại sao trước nói chẳng phải một chẳng phải khác. Luận chép: Lại kinh khác nói cho đến. Vọng phân biệt là ngã Luận chủ dẫn kinh để chứng minh, chấp ngã chỉ đối với pháp phi ngã vọng chấp là ngã, không đối với ngã khởi.

12. Dẫn kinh chứng minh:

Lại kinh khác nói cho đến Bồ-đặc-già-la, là lại dẫn kinh để chứng minh chỉ có thủ uẩn chấp ngã, không có ngã khởi chứng minh chắc chắn vô ngã, hoặc như thế cho đến có sắc như thế, Độc tử bộ dẫn văn riêng của kinh trước chứng minh có ngã, đã nói ngã có sắc nên biết có ngã, kinh này vì hiển bày cho đến như nhóm như dòng, là Luận chủ giải thích kinh, văn kinh này dùng tức trụ trí, duyên đời quá khứ, một thân nối tiếp có các việc như sắc v.v... hoặc chấp quá khứ thật có ngã thì bậc Thánh khởi thân thấy lỗi, thuyết vô ngã không bác bỏ chẳng có kinh này, y cái chung giả lập ngã nói có sắc v.v... như tụ như lưu không khác vật thật.

Nếu vậy cho đến có thể biết khắp, trái với sanh diệt, độc tử bộ trình bày vô ngã không thể biết khắp, có ngã năng biết khắp, Bồ-đặc- già-la cho đến ông chấp nhận tông, Luận chủ nêu ra lỗi do ngã biết khắp. Tông ông lập ngã chẳng đoạn chẳng thường, như ông nói ngã là thường trái với ông chấp nhận ngã phi thường, ngã v.v... Luận chép: chúng tôi không nói cho đến đến biết khắp, là Luận chủ giải thích kinh. Kinh nói Phật có nhất thiết trí, chỉ y theo nối tiếp có công năng, chẳng phải do một niệm biết khắp. Luận chép: trong đây cho đến chẳng phải cho đến biết khắp: Là Luận chủ dẫn bài tụng chứng minh. Luận chép: làm sao biết được cho đến chẳng phải do ngã biết khắp: Độc tử bộ gạn hỏi.

Nói Phật, Thế tôn có ba đời, Luận chủ trả lời. Vì có thể biết tất cả pháp là Phật Thế tôn. Phật, Thế tôn có ba đời nên biết chẳng phải ngã, y theo nối tiếp nói biết tất cả, thế nào là thuyết, là Độc tử bộ hỏi? như có bài tụng nói cho đến đều diệt ái của chúng sinh, là Luận chủ dẫn tụng đáp. Tông ông chỉ chấp nhận nên chắc chắn như thế, là Luận chủ xét định, nhất thiết trí nối tiếp giả nói chẳng phải ngã, uẩn của ông có ba đời, ta không có ba đời, kinh nói Phật có ba đời, chắc chắn tông ông y theo nối tiếp ngã, chẳng thể biết.

